

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 – 8 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Út - là thư ký Tòa án

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 357/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 369/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Hữu T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực A, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Chị Quan Cẩm G, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ : Ấp X, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của anh Võ Hữu T trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, anh và chị Quan Cẩm G đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường phường T, quận M, thành phố Cần Thơ vào ngày 20/8/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, sau khi cưới nhau khoảng hơn một tháng, chị G đã bỏ về quê sống, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay. Do không thể sống chung với nhau được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị G.

Về con chung, có 01 con chung tên là Võ Duy A, sinh năm 2013, hiện nay con đang sống chung với chị G. Khi ly hôn, anh đồng ý tiếp tục giao con cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: anh xác định không có.

Chị Quan Cẩm G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các thông báo để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 14/5/2018, 05/6/2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử vào các ngày 27/6/2018, 17/7/2018 và ngày 16/8/2018, nhưng chị Quan Cẩm G vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình về nội dung mà anh Võ Hữu T đã khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Do chị G vắng mặt trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 207, 209, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

[3] Về hôn nhân, anh T và chị G kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận M, thành phố Cần Thơ vào ngày 20/8/2013 nên hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T cương quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng ly thân, mỗi người sống một nơi từ năm 2013 cho nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Còn chị G đã biết việc anh T xin ly hôn nhưng không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo như trình bày của anh T và chấp nhận cho anh T ly hôn với chị G.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Võ Duy A, sinh năm 2013, hiện nay con đang sống chung với chị G. Khi ly hôn, anh đồng ý tiếp tục giao con cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, hiện nay, cháu A còn nhỏ, cần có sự quan tâm nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom từ người mẹ, từ trước đến nay cháu sống với chị G và anh T đồng ý tiếp tục giao con cho chị G nuôi dưỡng, vì vậy tiếp tục giao cháu A cho chị G tiếp tục nuôi con. Anh T không trực tiếp nuôi con nên có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng mà anh T đưa ra là phù hợp với thu nhập của anh T và quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Anh T vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có nên không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 207, 209 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 56, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Võ Hữu T ly hôn với chị Quan Cẩm G.

2/ Về con chung: Buộc anh Võ Hữu T giao 01 con chung tên là Võ Duy A, sinh năm 2013, hiện nay con đang sống chung với chị G, cho chị Quan Cẩm G trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Anh T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trường hợp anh T không thực hiện cấp dưỡng nuôi con khoản tiền hàng tháng nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, anh T phải chịu. Anh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0000657 vào ngày 16/4/2018, được đối trừ, anh T đã nộp đủ.

Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND phường T, quận M, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Kim Oanh

